

## Mahatma Gandhi và bức thông điệp để lại

Nguyễn Thừa Hỷ\*

Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày nhận bài: 26/6/2019, ngày gửi phản biện: 01/7/2019, ngày duyệt đăng: 17/07/2019

Ấn Độ là một đất nước vĩ đại, nơi cũng sản sinh ra những con người vĩ đại, trong đó Mahatma Gandhi là một gương mặt tiêu biểu. Gandhi là anh hùng dân tộc, lãnh tụ cách mạng của Ấn Độ, đồng thời là một nhà tư tưởng lớn. Ông là biểu tượng của sự kết hợp hài hòa giữa chính trị và tôn giáo. Ông được tôn vinh là Cha già (Bapu) của dân chúng. Rabindranath Tagore và toàn dân Ấn Độ đã tôn ông lên thành bậc Thánh (Mahatma nghĩa là Linh hồn lớn). Nhưng bản thân ông không muốn và vẫn chối từ tên gọi vinh dự đó. Bởi vì ông tự nhận mình chỉ là một con người bình thường sống một cuộc đời trần tục, có vợ có con, và tất nhiên, một con người có sinh có tử. Có điều rất trớ trêu là một con người suốt đời tôn thờ học thuyết đấu tranh bất bạo động và khoan dung tôn giáo như Gandhi lại phải chết bởi ba phát súng bạo lực bắn vào ngực do một phần tử cực đoan Hindu giáo. Và khá lạ lùng là nó lại diễn ra đúng như lời tiên sự mà ông đã từng bộc lộ: "Tôi không muốn phải chết như một người đã bị tể liệt mọi khả năng, một con người thất bại. Có lẽ tôi muốn một viên đạn của tên sát nhân sẽ kết liễu đời tôi..." Chính cái chết đó đã biến Gandhi từ một con người trần tục hóa thân thành một vị thánh tử vì đạo. Và ngày sinh của ông (2 tháng 10) đã được coi là một ngày quốc lễ của Ấn Độ và được Liên Hợp Quốc, với một nghị quyết thông qua năm 2007, kỷ niệm như một ngày Quốc tế Bất bạo động trên toàn thế giới. Gandhi đã để lại cho chúng ta một bức thông điệp, như chính lời ông nói: "Cuộc đời của tôi chính là bức thông điệp của tôi" (My life is my message). Bài viết này tìm hiểu về bức thông điệp của Mahatma Gandhi.

Từ khóa: Mahatma Gandhi, bức thông điệp, satyagraha, ahimsa

### 1. Đôi nét về cuộc đời Mahatma Gandhi

Mohandas Karamchand Gandhi sinh ngày 2/10/1869 tại Porbandar, một thành phố nhỏ bên bờ biển của bán đảo Kathiawar phía Bắc Bombay (Mumbai ngày nay). Gia đình ông thuộc loại khá giả thuộc đẳng cấp thương nhân Vaisya. Ông là con trai thứ tư của Karamchand Gandhi, người giữ chức diwan (thủ tướng) của một vương công cai trị 3 quốc gia thành thị nhỏ. Gandhi mô tả mẹ mình là một phụ nữ sùng đạo Jaina sâu sắc, hàng ngày ăn chay và đi lễ đền thờ, suốt đời tuân thủ phương châm *ahimsa* (bất mưu hại) trong cuộc sống. Mohandas là một cậu thiếu niên thân hình nhỏ bé, trầm tĩnh, ít nói, không thích thể thao và trên lớp có học lực trung bình. Thầy giáo lớp cuối cấp phê vào học bạ Gandhi: "Tốt về môn tiếng Anh, khá về môn Toán, kém về môn Địa lý, hạnh kiểm rất tốt, chữ viết xấu".

\*nmd.ussh@gmail.com

Năm 13 tuổi, cậu kết hôn mà không được biết trước với Kasturbai, một cô gái bằng tuổi mình. Tham vọng của Mohandas thời niên thiếu là theo học ngành y. Nhưng để phù hợp với địa vị của đẳng cấp mình, cha Mohandas đã cho cậu theo học ngành luật.

Gandhi sang Anh du học vào tháng 9/1888. Trước khi rời Ấn Độ, anh hứa với mẹ là sẽ kiêng ăn thịt, và khi ở nước ngoài, anh trở thành một người ăn chay nhiệt tình hơn ở nhà. Ở nước Anh, Mohandas học luật nhưng chưa bao giờ hoàn toàn thích ứng với lối sống của người Anh. Mặc dù đã có 4 con trai, ông vẫn bị ban bè gọi là người độc thân. Ông tự nguyện sống một cuộc đời chay tịnh và nghèo khó. Năm 1891, ông về Ấn Độ khi nghe tin mẹ qua đời. Ông hành nghề luật một thời gian ở Bombay, nhưng công việc không mấy suôn sẻ. Năm 1893, tuổi đời 24, ông lại ra nước ngoài, làm việc với chức danh cố vấn pháp lý cho một Công ty Ấn Độ tại Nam Phi, lúc đó là thuộc địa của đế quốc Anh, trong 21 năm.

Trong thời gian ở thủ đô Pretoria, ông có thời gian đi sâu nghiên cứu đạo Hindu cùng các tôn giáo khác như Phật giáo, Hồi giáo, Kitô giáo. Ông chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của nhà triết học Mỹ Henry David Thoreau (1817-1862), nổi tiếng với chuyên luận *Civil Disobedience (Bất tuân dân sự)*, chủ trương phản kháng bất bạo động. Qua thư từ trao đổi, ông cũng chịu ảnh hưởng bởi chủ nghĩa xã hội nhân đạo Cơ đốc giáo của đại văn hào Nga Léon Tolstoy. Ông dự định thành lập những "trang trại Tolstoy" như một kiểu hợp tác xã mang tính cộng đồng phúc lợi chung.

Ông so sánh luận điểm bất tuân dân sự của nhà triết học Mỹ với khái niệm *Satyagraha* (Kiên trì chân lý hoặc Sức mạnh tâm hồn) của đạo Hindu. Gandhi viết: "*Satyagraha chủ yếu không chỉ là bất tuân dân sự mà còn là theo đuổi sự kiên trì chân lý một cách thâm lặng và không gì cưỡng nổi*". Chân lý được thể hiện xuyên suốt cuộc đời Gandhi và được phản ánh chủ yếu qua cuốn "Tự truyện: Câu chuyện về những trải nghiệm của tôi với Chân lý" (*Autobiography: The Story of my Experiments with Truth*). Đối với Gandhi, chân lý không phải là một cái tuyệt đối trừu tượng, mà là một nguyên lý phải được phát hiện một cách thực nghiệm qua từng hoàn cảnh cụ thể. Gandhi cũng rất quan tâm đến vấn đề phương tiện và mục đích, và cho rằng phương tiện nhất thiết phải phù hợp, thích ứng với mục đích. Không thể tùy tiện nguy biện để cho rằng "Mục đích biện minh cho phương tiện". Một mục đích đạo đức cao cả không thể thực hiện bằng những hành động, biện pháp thiếu đạo đức. Giải phóng con người không thể tiến hành bằng những biện pháp cưỡng bức con người, cũng như hòa bình, tình yêu không thể xây dựng trên nền tảng của bạo lực và hận thù.

Ngoài một Gandhi suy tưởng, còn có một Gandhi hành động. Ông đem luận điểm "Bất tuân dân sự" và khái niệm *Satyagraha* ra áp dụng thực tế trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc của thực dân Anh ở Nam Phi, nhất là đối với giới Ấn kiều ở thuộc địa này. Bằng biện pháp kiên trì đấu tranh phản kháng bất bạo động đòi sự tôn trọng nhân phẩm và quyền công dân hợp pháp cho những kiều dân người Ấn, Gandhi đã buộc chính quyền địa phương phải thi hành một số chính sách nhân nhượng, thỏa hiệp.

Đầu năm 1915, ông trở về Ấn Độ, dấn thân vào sự nghiệp cách mạng theo đường lối đấu tranh bất bạo động *satyagraha*. Từ một trí thức rời chính khách, ông trở thành lãnh tụ tối cao và có uy tín lớn nhất của Đảng Quốc đại theo chủ nghĩa dân tộc. Lịch sử Ấn Độ từ 1917 đến 1947 gắn liền với tên tuổi,

cuộc đời và sự nghiệp của Gandhi. Và người ta có lý để gọi lịch sử Ấn Độ trong giai đoạn này là “thời đại Gandhi”.

Thực dân Anh đã sớm nhận ra sự nguy hiểm, sức mạnh và vai trò to lớn ẩn giấu trong con người có thân hình nhỏ bé này. Năm 1918, một tờ báo Anh phân tích: “*Phải hết sức thận trọng khi đối xử với con người không hề ham muốn những khoái lạc vật chất này, con người chẳng mong giàu sang, không cần gì khen thưởng hoặc thăng quan tiến chức, một con người chỉ kiên trì làm những điều mà mình tin là phải. Ông ta sẽ là một con người nguy hiểm và gây nhiều khó khăn cho chúng ta, vì chúng ta có thể dễ dàng chiếm đoạt được thân thể ông ta, nhưng điều đó cũng chẳng làm gì được đối với tâm hồn ông ta*” (Mkgandhi.org).

Đó cũng chính là điều mà bản thân Gandhi từng nói: “*Các anh có thể xích xiềng tôi, các anh có thể tra tấn tôi, thậm chí các anh có thể hủy hoại hình hài tôi, nhưng các anh sẽ chẳng bao giờ có thể giam cầm được tinh thần của tôi cả*” (Mk.gandhi.org).

Một hình thức của phong trào đấu tranh bất bạo động *satyagraha* là hành động bất tuân dân sự, bất hợp tác với chính quyền thực dân Anh qua các cuộc đình công, nghỉ việc. Mùa xuân năm 1918, để phản đối đạo luật hà khắc Rowlatt, Gandhi đã kêu gọi, phát động những ngày “toàn dân nghỉ việc” trong toàn quốc (nguyên văn: *Hartal*: đóng cửa hiệu). Ngày hartal đầu tiên được chọn là ngày 6-1-1919, trong đó mọi tầng lớp nhân dân Ấn Độ theo đạo Hindu cũng như theo đạo Islam đã nghỉ việc ở nhà, nhịn đói và cầu nguyện biểu lộ sự phản kháng.

Sau vụ thảm sát Amritsar, chiến dịch *Satyagraha* được đẩy mạnh, tiến thêm một bước nữa theo lời kêu gọi của Gandhi qua những bài báo đăng trên tờ “Ấn Độ Trẻ”. Đó là phong trào *Khadi* (quay sợi và dệt vải bằng tay) mang tính kinh tế-xã hội, tẩy chay hàng ngoại hóa Anh để trở về với nền kinh tế Ấn Độ truyền thống. Khẩu hiệu “*Tất cả mọi gia đình Ấn Độ hãy trở lại xe sợi và dệt vải bằng tay*” được đông đảo dân chúng hưởng ứng. Bản thân Gandhi đã tranh thủ mọi lúc rảnh rỗi để kéo sợi bằng một cái xa thô sơ đặt ngay trong nhà mình. Tháng 6 năm 1921 ở Bombay, Gandhi và mọi người đã tổ chức đốt cháy một số hàng hóa vải vóc Anh. Theo lời giải thích của Gandhi, đốt hàng hóa nước ngoài chính là “*đốt cái nhục của người dân nô lệ*” (Mk.gandhi.org).

Việc tẩy chay, bất hợp tác với chính quyền thực dân Anh còn được mở rộng đến nhiều lĩnh vực khác: không nhận chức tước của Anh, không tham gia các cơ quan chính trị, các tòa án và các trường học của Anh. Tagore hưởng ứng, kiên quyết từ chối huân tước của chính quyền Anh ban tặng.

Một hình thức khác của phong trào phản kháng bất bạo động do Gandhi khởi xướng là tổ chức tuần hành quần chúng, điển hình là cuộc “tuần hành Muối” (*Dandi Satyagraha*) tháng Ba năm 1930 kéo dài 24 ngày, để phản kháng chính sách độc quyền muối do chính quyền Anh áp đặt. Theo luật này, dân chúng Ấn Độ không được tự do sản xuất, mua bán muối, và tất cả mọi người muốn dùng muối ăn đều phải chịu nộp một khoản thuế đặc biệt.

Ngày 12/3/1930, ông già Gandhi 61 tuổi, thân hình gầy gò đen đui, mặc chiếc quần cộc và trên mình khoác một mảnh vải thô nội hóa khadi, mắt đeo kính lão và chân đi đôi dép tời tàn, cùng 78 đồ đệ thân tín của mình, đã tiến hành một cuộc đi bộ lịch sử trên quãng đường dài 388 km đến Dandi, một thị trấn nhỏ ven bờ biển vùng Tây bắc Ấn Độ. Tại đây, Gandhi đã công khai thách thức nhà cầm quyền thực dân bằng một hành động tượng trưng là cúi xuống, dùng tay bốc đem về một nắm muối tự nhiên do nước biển bốc hơi kết tinh tạo thành, bất chấp lệnh cấm của chính quyền.

Cuộc hành trình Muối kéo dài hơn ba tuần lễ, được các báo chí và các hãng thông tấn quốc tế tường thuật tỉ mỉ và đưa tin rộng rãi, đã gây một chấn động lớn trong đối với dư luận trong và ngoài nước. Theo gương Gandhi, hàng trăm ngàn dân chúng Ấn Độ đã ra bờ biển lấy muối, tự do mua bán muối một cách công khai ở khắp nơi, bất chấp độc quyền muối của nhà nước. Năm muối do Gandhi lấy từ biển đem về bán đầu giá được 1600 rupi.

Để phản ứng lại, thực dân Anh đã điên cuồng khủng bố, cho bắt giam Gandhi vào tháng 5-1930 và tính đến cuối năm đó, đã xử tù gần 60.000 người. Tuy nhiên, nhà cầm quyền không sao dập tắt được ngọn lửa đấu tranh. Bất bạo lực bị bạo lực đàn áp, đã chuyển thành bạo lực. Ở nhiều nơi, nhân dân đã cầm vũ khí nổi dậy khởi nghĩa chống lại bọn cảnh sát. Ở vùng nông thôn Tây Bắc Ấn Độ, những đội quân “Áo đỏ” đã được thành lập, lên tới 300.000 người, tiến hành chiến tranh du kích. Nhiều cuộc bãi công chính trị cũng bùng nổ tại các thành phố lớn (Mk.gandhi.org).

Cuối cùng, hai bên đã dẫn đến một cuộc nhân nhượng tạm hoãn binh. Thực dân Anh buộc phải xuống thang, tổ chức Hội nghị thương lượng Bàn tròn tại London, trả lại tự do cho Gandhi. Đổi lại, Đảng Quốc đại công khai tuyên bố đình chỉ chiến dịch bất hợp tác và cử Gandhi đại diện cho đảng đi dự Hội nghị Bàn tròn vào tháng 9/1931. Tuy nhiên, hội nghị đã không đạt được kết quả.

Tiếp theo là những bước đi quanh co thăng trầm, lúc tiến lúc lui của phong trào phản kháng bất bạo động *Satyagraha* do Gandhi lãnh đạo. Tới giữa năm 1942, khi chiến trường Thái Bình Dương của Thế chiến II mở rộng, phát xít Nhật chiếm Miến Điện và uy hiếp Ấn Độ, Đảng Quốc đại và phong trào đấu tranh *Satyagraha* của Gandhi đã tiến thêm một bước, đưa ra một khẩu hiệu thách thức triệt để: “*Hãy rút khỏi Ấn Độ!*” (*Quit India*) đòi thực dân Anh phải trao trả độc lập cho Ấn Độ và rút khỏi quốc gia này. Phong trào được tiến hành với nhiều hình thức khác nhau, trong đó chủ yếu là các cuộc tuần hành lớn biểu dương lực lượng quần chúng.

Trải qua nhiều khó khăn phức tạp, những cuộc bắt bớ tù đầy, nhưng cuối cùng sau 5 năm kiên trì đấu tranh bất bạo động, tới 1947, thực dân Anh đã buộc phải thừa nhận nền độc lập của Ấn Độ. Bộ máy thống trị thực dân được xây dựng từ hai thế kỷ trước đó, tương chừng như hoàn toàn vững chắc, đã bị vỡ tan từng mảnh và sụp đổ trước ý chí quyết giành độc lập tự do của người dân Ấn Độ, trong đó có vai trò quyết định của Mahatma Gandhi.

## 2. Mahatma Gandhi kế thừa tư tưởng bất bạo động của nhân loại

Tinh thần bất bạo động, từng tồn tại từ lâu đời trong lịch sử loài người, được triển nở qua tư tưởng của Gandhi, tiếp tục phát huy trong những thế hệ sau ông, vẫn luôn luôn là một định hướng tích cực, được hoan nghênh như một khuôn mẫu ứng xử trong các mối quan hệ phức tạp giữa các cá thể, cộng đồng, xã hội, quốc gia dân tộc trên thế giới từ xưa tới nay. Đó là một phức hệ khái niệm liên kết về tôn giáo, đạo đức, triết học, chính trị được hình thành, phát triển, bổ sung và mở rộng qua tiến trình lịch sử văn hóa nhân loại.

Trước hết, ta có thể coi tinh thần bất bạo động chính là một mốc tiến hóa trong lịch sử loài người, một tiêu chí đời sống xã hội của văn minh. Trong giai đoạn bày đàn, mông muội và dã man, con người ta sống và đối xử với nhau gần như thú vật, theo “luật rừng” mạnh được yếu thua trong cuộc cạnh tranh sinh tồn. Các bộ lạc thường gây chiến với nhau, tự tiện giết hại nhiều nhân mạng và bắt làm tù

binh nô lệ. Bạo lực được sử dụng như một phương tiện phổ biến trong các quan hệ cộng đồng. Qua thời văn minh, con người bước đầu thiết lập những chuẩn mực trong đời sống xã hội, không được tự tiện sát hại người khác. Đây là bước khởi đầu của tư tưởng bất bạo động.

Về quá trình phát triển ý thức nhân cách, con người cũng trải qua ba nấc thang tiến hóa. Khởi đầu, con người chưa ý thức được bản ngã mình, bị hòa tan trong tự nhiên, thường bị tùy tiện mưu hại bởi các lực lượng thiên nhiên, thú dữ cùng đồng loại. Nấc thứ hai, con người đã tách khỏi tự nhiên, ý thức được bản ngã mình, nhưng lại chưa ý thức, thừa nhận được bản ngã khách thể của người khác. Với bản năng và ý thức chiếm hữu cao, các chủ nô đã không công nhận tư cách làm người của các nô lệ, có thể tùy tiện sử dụng, đánh đập thậm chí giết hại họ. Nấc thứ ba của sự tiến hóa văn minh, con người vừa ý thức được bản ngã chủ thể của mình, đồng thời biết thừa nhận và tôn trọng bản ngã khách thể của những đồng loại khác, không có quyền tùy tiện sử dụng bạo lực với người khác trong các mối quan hệ xã hội. Đó là khởi điểm của nguyên tắc bất bạo động.

Nguyên tắc bất bạo động dần dần đi vào lãnh vực đạo đức, trở thành những khái niệm cơ bản của nhiều tôn giáo. Trong các tôn giáo Ấn Độ như đạo Hindu, đạo Jaina, *Ahimsa* (Bất mưu hại) là một tiêu chuẩn hàng đầu cho đức hạnh con người. Vì theo tin ngưỡng *karma* (nghiệp báo) và luật nhân-quả, người nào không mưu hại, không gây mất mát tổn thương đến người khác thì bản thân cũng sẽ không bị người khác mưu hại. Kẻ nào mưu hại người khác thì sẽ bị nghiệp chướng, ác giả ác báo. Thậm chí trong đạo Jaina (mẹ Gandhi theo tôn giáo này), người ta còn áp dụng tinh thần *ahimsa* đến vạn vật sinh linh. Tín đồ đạo này khi đi đâu phải quét thật sạch lối mình đi vì sợ giẫm chết các loài sâu bọ dưới chân mình.

Thế còn đối với kẻ thù? Tinh thần của các bộ luật thời cổ đại và cả sau này ở nhiều nước thường duy trì một nguyên tắc công bằng: "*Sát nhân giã tử*" (Kẻ giết người đáng phải đền tội chết). Người ta diễn giải tinh thần trừng phạt hận thù đó bằng câu nói hình ảnh: "Mắt đền mắt, răng đền răng" (*An eye for an eye, a tooth for a tooth*). Suy rộng ra, con người ta có thể sử dụng bạo lực, sát hại người khác khi người đó bị coi là kẻ thù hoặc là để phục vụ cho một mục đích chính nghĩa.

Về vấn đề này, Gandhi biện luận: "*Tôi chẳng thấy gì là đáng căm và hy sinh khi ta đi hủy diệt tính mạng hoặc của cải, dù là để tấn công hoặc tự vệ*". Và ông diễn dịch: "*Tinh thần mắt đền mắt kết cục sẽ dẫn đến làm cả thế giới này phải mù lòa*". Gandhi đã lớn tiếng cảnh báo: "*Đáp trả sự tàn bạo bằng tàn bạo là chấp nhận sự phá sản về đạo đức và tri tuệ*" (mk.gandhi.org). Người ta có thể tranh cãi về cách diễn đạt ngôn từ và lập luận có phần nào thậm xưng và không tương đương của ông. Tuy nhiên, không ai có thể phủ nhận tình yêu bác ái và lòng khoan dung của Gandhi khi ông cho rằng "*Con người của chủ nghĩa bất bạo động cho rằng toàn thế giới là một gia đình. Anh ta không phải sợ ai cả và mọi người khác cũng sẽ không phải sợ anh ta*". Và ông đề cao Tình yêu: "*Hận thù chỉ có thể khắc phục được bằng tình yêu... Ở đâu có tình yêu, ở đó có đời sống*". Xét một cách khoáng đạt nhất, ta thấy đúng là hận thù không thể tận diệt được hận thù. Chỉ có tình yêu và sự khoan thứ mới tận diệt được hận thù. Cũng như máu không thể rửa sạch máu. Mà chỉ có nước trong tinh khiết mới rửa sạch

được máu. Ở đây, tình yêu của Gandhi đã được sự đồng cảm tương tự như loại tình yêu *metta* (lòng từ bi)<sup>1</sup> của Phật giáo hay tình yêu *agape*<sup>2</sup> trong Cơ Đốc giáo.

Tình yêu của Gandhi gắn liền với Chân lý và Bất bạo động, được coi như hai vị Thượng đế của mình. Ông kiên định trong việc chống lại bạo lực và đã mở rộng nội hàm của khái niệm này. Theo Gandhi, sân giận, lòng không khoan nhượng, luật pháp bất công và sự nghèo khổ cũng đều là những loại bạo lực của con người và là kẻ thù cản trở sự trưởng thành của tinh thần dân chủ đích thực. Trong Phật giáo, tư tưởng bất bạo lực thể hiện cao nhất ở điều răn Giới sát sinh (*Panatipata-veramani*), đứng đầu Ngũ giới (Cấm giết chóc, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu say). Sở dĩ nó là điều răn quan trọng nhất vì nó mang tính chất bất khả hồi, không lấy lại được. Sát sinh bao gồm giết chóc và làm tổn thương đến mọi sinh linh (con người, loài vật lớn nhỏ). Cấm sát sinh là để tôn trọng quyền được sống của muôn loài, bảo vệ lẽ công bằng bình đẳng, thực thi lòng từ bi Phật tính và để tránh nghiệp báo trong kiếp này hoặc kiếp sau. Theo Đạo giáo, trong *Đạo Đức kinh* của Lão Tử, tư tưởng Bất bạo động được diễn đạt qua mệnh đề “*Nhu thắng cương*” (Mềm thắng cứng, yếu thắng mạnh), trình bày rất khúc chiết, biện chứng, cô đọng súc tích trong toàn bộ tác phẩm, đặc biệt trong các chương 36, 52, 63, 78. Một số câu tiêu biểu bao gồm: *Nhu nhược thắng cương cường* (Mềm yếu thắng cứng mạnh); *Thù nhu viết cường* (Giữ được cái mềm gọi là mạnh); *Bảo oán dĩ đức* (Lấy đức báo oán); *Nhược thắng cường, nhu thắng cương* (Yếu thắng mạnh, mềm thắng cứng). Mahatma Gandhi đã gặp gỡ những tư tưởng đạo gia này khi nói lên sức mạnh của bất bạo động khi ông nói: “*Bất bạo động không phải là vũ khí của kẻ yếu mà chính là vũ khí của những con người mạnh nhất và dũng cảm nhất*”. Gandhi còn đưa ra hình ảnh: “*Bằng một phương tiện mềm dẻo, bạn có thể lay chuyển cả thế giới*.”

Bên cạnh niềm tin tôn giáo, Gandhi còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng bất bạo động từ các nhà tư tưởng tiền bối, đặc biệt là nhà triết học người Mỹ Henri David Thoreau (1817-1862), tác giả cuốn sách “*Civil Disobedience*” (*Bất tuân dân sự*) nổi tiếng và đại văn hào người Nga Lev Tolstoy (1828-1910) với tác phẩm “*The Kingdom of God is within You*” (*Vương quốc của Chúa ở ngay trong lòng anh*) và “*A Letter to a Hindu*” (*Bức thư gửi một tín đồ Hindu*).

Mở đầu cuốn *Bất tuân dân sự*, Thoreau viết: “*Tôi hoàn toàn đồng ý với phương châm: - “Chinh phủ tốt nhất là chinh phủ quản lý ít nhất” và mong ước phương châm ấy được áp dụng vào thực tế một cách có hệ thống và càng nhanh càng tốt. Khi phương châm ấy được đưa vào thực tế, cuối cùng nhằm đạt được điều mà tôi cũng đồng thời tin tưởng: “Chinh phủ tốt nhất là chinh phủ không quản lý gì cả”, và khi mọi người sẵn sàng chấp nhận điều này, thì họ sẽ có một chinh phủ như thế. Chinh phủ, trong trường hợp tốt nhất, chỉ là một phương tiện; nhưng hầu hết các chinh phủ thường, và đôi khi tất*

<sup>1</sup> Theo từ điển Phật học Đạo Uyên, “Từ bi” theo tiếng Bắc Phạn Sanskrit là *maitri-karuna* và theo tiếng Nam Phạn Pali là *metta-karuna*. Người ta phân biệt ba loại Từ bi: 1) Tấm lòng từ bi đối với tất cả chúng sinh theo lẽ thường. 2) Là kết quả của việc chứng ngộ được tính vô ngã của tất cả các pháp, là quả vị của tất cả các vị Bồ tát. 3) Là tấm lòng Đại từ Đại bi của một đức Phật, một tấm lòng từ bi tuyệt đối, không phân biệt và vô điều kiện. Tóm lại, metta chính là một tình yêu phổ quát, vô điều kiện với tất cả mọi sinh linh (con người, loài vật và cây cỏ) của con người thương tình, đặc biệt là của các bậc giác ngộ.

<sup>2</sup> Tình yêu *agape* của Cơ đốc giáo cũng mang một ý nghĩa tương tự, tuy phần nào có mang đậm tính chất tôn giáo hơn. Theo Encyclopedia Britannica, *agape* trong kinh Tân ước, được hiểu là tình yêu của Chúa Cha đối với con người và cũng là tình yêu của con người đối với Chúa. Tình yêu *agape* cần thiết được mở rộng ra thành tình yêu con người đồng loại.

cả các chính phủ, đều là những phương tiện tồi". Tiếp theo, Thoreau tuyên bố: "Mọi người đều có quyền không tuân theo và chống lại một chính quyền khi mà sự bạo ngược và tình vô hiệu quả của nó trở thành lớn đến mức không chịu nổi". Và ông sẵn sàng chấp nhận việc vào tù chỉ vì những sự phản đối ấy. Tinh thần bất khuất để bảo vệ chân lý đó đã ảnh hưởng khá nhiều đến tư tưởng của Gandhi.

Người thứ hai đã truyền cảm tư tưởng bất bạo động đến Gandhi là văn hào Nga Lev Tolstoy (1828-1910). Bản thân Tolstoy cũng chịu ảnh hưởng của Thoreau. Trong cuốn tự truyện *The Story of My Experiments with Truth*, Gandhi cho rằng cuốn sách *The Kingdom of God is within You* đã chế ngự tâm hồn mình và để lại một ấn tượng không phai mờ trong ông, là một trong vài ba cuốn sách gây ảnh hưởng quan trọng nhất đến cuộc đời ông.

Cuốn *The Kingdom of God is Within You* lấy tiêu đề từ trong Kinh Thánh Tân Ước (Luke 17:21), luận giải tập trung vào chủ đề "không kháng cự bằng bạo lực đối với cái ác". Ý tưởng đó thể hiện ngay ở trong tiêu đề các chương 1, 8, 10 và 11. Ý tưởng đó cũng đã được minh họa trong cuốn sách qua một đoạn hội thoại về giáo lý vấn đáp:

*Hỏi: Có điều gì để tỏ rằng chúa Giê-su dạy chúng ta không được dùng bạo lực?*

*Đáp: Nó được tỏ ra trong những lời sau. Chúa phán: "Người từng nghe thấy điều nói từ xưa 'Mắt đền mắt, răng đền răng'. Nhưng ta nói cho người rằng không được chống cự cái Ác bằng bạo lực. Nếu một người nào đó tát người vào má phải, thì người hãy tiếp tục giơ cho họ má trái. Và nếu kẻ nào đi kiện để lấy tấm áo khoác của người thì người cũng sẽ đem cho hắn tấm áo choàng".*

Những giáo lý răn dạy đó có thể là đã vượt quá giới hạn của lẽ công bằng và sự chịu đựng thường tình của người đời. Nhưng chúng ta nên hiểu như một sự nhấn mạnh của câu châm ngôn: "Đừng bao giờ dùng cái ác để đáp trả cái ác. Hãy đi đức báo oán."

Năm 1908, Gandhi đã đọc bài *A letter to a Hindu* của Tolstoy đăng trên tờ *Free Hindustan*. Trong đó, Tolstoy đưa ra khái niệm chỉ nên sử dụng một thứ vũ khí là tình yêu, và cho rằng sự kháng cự thụ động có thể đưa người dân Ấn Độ bản địa đến chỗ lật đổ được ách thuộc địa của đế quốc Anh. Và Gandhi đã làm theo lời khuyên đó trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập cho tổ quốc mình.

### 3. Mahatma Gandhi ảnh hưởng đến người Ấn đương thời

Cùng ở đất nước Ấn Độ và gần đồng thời với ông, Gandhi có những người bạn đồng hành với chí hướng và đường lối bất bạo động của mình, tuy có thể khác nhau về một số quan điểm cụ thể. Rabindranath hơn ông 8 tuổi và Jawaharlal Nehru kém ông 20 tuổi.

Rabindranath Tagore (1861-1941) là một nghệ sĩ đa tài trong nhiều lãnh vực triết, văn, thơ, kịch, nhạc, họa. Ông đoạt giải Nobel văn chương năm 1913. Cuộc đời và sự nghiệp của Tagore có phần an bình và hanh thông hơn Gandhi mặc dù cả nhân ông cũng chịu nhiều mất mát thương. Tagore nổi tiếng về phẩm chất nhân văn, chiều sâu tư tưởng, là cây cầu bắc nối giữa phương Đông và phương Tây.

Từ năm 1915 khi lần đầu tiên ông gặp Gandhi cho đến năm 1941 lúc ông mất, ông là người bạn thân thiết của Gandhi. Chính Tagore là người đầu tiên tôn xưng Gandhi với danh hiệu Mahatma (Tâm hồn vĩ đại) và thừa nhận Gandhi là lãnh tụ chính trị của phong trào giải phóng dân tộc Ấn Độ. Tagore và Gandhi gặp gỡ nhau ở nhiều điểm. Cả hai người đều tôn sùng và tin tưởng vào một tình yêu phổ quát, thánh thiện, một tình yêu sẽ cứu rỗi loài người cũng như dân tộc Ấn Độ. Cả hai đều nhiệt tình yêu nước và đề cao phương thức bất bạo động như một đường lối tối ưu và hiệu quả trong cuộc đấu tranh giành cứu Ấn Độ và Châu Á. Số 8 - 2019, tr.6-17

tranh cho chân lý. Năm 1919, hưởng ứng lời kêu gọi bất hợp tác của Gandhi, Tagore đã kiên quyết khước từ huân tước mà Chính phủ Anh muốn ban tặng cho ông.

Tuy nhiên, giữa Tagore và Gandhi cũng có một số khác biệt. Trong phong cách sống, Tagore có phần ít khắc khổ hơn Gandhi, cởi mở và phóng khoáng hơn Gandhi. Về tư tưởng, Tagore ít bảo thủ hơn Gandhi và ít sùng tín hơn Gandhi về vấn đề tôn giáo. Tagore tôn thờ và tin vào một Thượng đế, nhưng là một Thượng đế phiếm thần, tức chính là hình ảnh đích thực của con người, được nâng cao và linh hóa đến mức thánh thiện.

Trong một lá thư gửi cho Gandhi năm 1919, Tagore đưa ra ý kiến phản biện khá sâu sắc về phong trào phản kháng thụ động khi viết: *“Quyền lực trong tất cả mọi hình thức đều là không hợp lý. Nó giống như một con ngựa chớ hàng bị bị mắt. Yếu tố đạo đức trong quyền lực chỉ được thể hiện trong con người cảm cương điều khiển ngựa. Phong trào kháng cự thụ động là một lực lượng tự bản thân nó không nhất thiết phải mang tính đạo đức. Nó có thể sử dụng để chống lại chân lý hoặc ủng hộ chân lý. Mỗi nguy hiểm tiềm ẩn trong lực lượng đó càng trở nên lớn mạnh khi nó tỏ ra giành được phần thắng lợi, lúc đó nó trở thành một sự cám dỗ”* (Mk.gandhi.org).

Jawaharlal Nehru (1889-1964) được coi như người bạn đồng hành vong niên, một hậu sinh kế tục sự nghiệp của Gandhi trong công cuộc cách mạng hòa bình giải phóng dân tộc Ấn Độ. Nếu Gandhi đã dùng chủ thuyết bất bạo động như một nguyên tắc đường hướng tư tưởng thì Nehru đã vận dụng tư tưởng đó vào hành động thực tiễn như một phương tiện hữu hiệu trong cuộc đấu tranh chính trị do Đảng Quốc Đại lãnh đạo. Hai người cùng gắn bó với nhau từ sau vụ thám sát Amritsar năm 1919 cho đến khi Gandhi bị ám sát năm 1948 theo chiến lược đấu tranh bất hợp tác, cùng nhiều lần vào tù ra tội (Nehru đã bị bắt giam tất cả 9 lần) dưới sự cai trị của chính quyền thực dân Anh.

Sinh sau hai thập kỷ, Nehru được đánh giá là có tư tưởng cấp tiến và coi trọng sự ủng hộ và các mối quan hệ quốc tế hơn Gandhi, chủ trương thành lập chế độ cộng hòa. Những năm 1929-1930, Nehru đã nêu lên khẩu hiệu “Độc lập hoàn toàn” (*Purna Swaraj*), trong khi Gandhi mới chỉ dừng mục tiêu ở việc đòi người Anh ban bố một chế độ tự trị. Khác với Gandhi chủ trương quay về một nền kinh tế và văn hóa truyền thống, Nehru khuyến khích những tiến bộ văn minh hiện đại. Ông được coi là vị kiến trúc sư trưởng đã xây dựng nên nước Ấn Độ mới và được tôn xưng là “Người thầy Nehru” (*Pandit Nehru*) hoặc thân mật hơn là “Bác Nehru” (*Chacha Nehru*).

Nhìn chung, bộ ba “Gandhi-Tagore-Nehru” đã là những người đi tiên phong trong việc hình thành một nước Ấn Độ độc lập mới thời cận đại với một mô hình đấu tranh bằng hình thức bất bạo động.

#### 4. Mahatma Gandhi ảnh hưởng đến thế giới

Ảnh hưởng tư tưởng bất bạo động của Gandhi không chỉ đối với thế hệ đương thời ở Ấn Độ, mà còn tới những thế hệ sau ông trên bình diện quốc tế, nhất là trong thời kỳ mà thế giới ngày càng bị giằng xé tổn thương bởi những hành động áp bức, kỳ thị, xung đột, chiến tranh và đe dọa bạo lực.

Nelson Mandela (1918-2013): Người ta biết đến Nelson Mandela như một con người suốt đời chiến đấu hy sinh cho lý tưởng tự do dân chủ, quyền con người và quyền dân tộc, bình đẳng xã hội và cả lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Nhưng Mandela còn nổi tiếng hơn vì đường lối đấu tranh của ông, có khá nhiều điểm gặp gỡ với Gandhi: tính chất nhân bản đạo đức, kiên trì bất tuân dân sự bằng biện



pháp bất bạo động, hòa bình khoan dung trong thuyết đối thoại với đối thủ và hòa giải hòa hợp cộng đồng.

Sinh ra khác nhau nửa thế kỷ, nhưng cả Gandhi và Mandela có những nét tương đồng. Cùng là luật sư chứng kiến tệ nạn kỳ thị chủng tộc và xã hội bất công Nam Phi, cùng bị giam cầm trong cảnh tù đầy (Mandela ở tù tổng cộng 27 năm), sau đó cùng trở thành những con người nổi tiếng đáng kính (Mandela nhận giải Nobel hòa bình năm 1993 và trở thành Tổng thống da đen đầu tiên của Nam Phi năm 1994). Mandela có thể khác Gandhi ở chỗ ông ít thấm nhuần những niềm tin tôn giáo hơn, sống một cuộc đời ít khắc khổ và trần tục hơn vị thánh Gandhi.

Tiền sĩ Luther King (1929-1968) là một luật sư, cũng là một mục sư đạo Tin Lành đồng thời là một nhà hoạt động xã hội người Mỹ gốc Phi, suốt đời đấu tranh cho quyền sống bình đẳng của những công dân Mỹ da đen trong những năm 1960. Ông là tác giả của bài diễn văn hùng biện nổi tiếng “*I have a dream*” (*Tôi có một giấc mơ*). Ông kiên trì tuân thủ phương thức đấu tranh bất bạo động và bất tuân dân sự. Cũng giống như Gandhi, ông là một liệt sĩ từ vì đạo, đã bị một kẻ cực đoan ám sát năm 1968. Luther King được trao giải Nobel hòa bình năm 1964.

Đường lối đấu tranh bất bạo động của Luther King chịu nhiều ảnh hưởng của Gandhi. Năm 1959, ông đã có dịp sang thăm Ấn Độ theo lời mời của Thủ tướng Nehru. Tại đây, ông có dịp nghiên cứu và chiêm nghiệm học thuyết bất bạo động của vị “Thánh” Ấn Độ, kết hợp với tình yêu *agape* Kitô giáo của mình. Luther King đem những kinh nghiệm của một nước thuộc địa Ấn Độ đấu tranh giành quyền tự quyết từ chính quyền thực dân Anh về áp dụng cho cộng đồng những người Mỹ da đen giành quyền bình đẳng và dân sự chống lại tệ phân biệt chủng tộc ở ngay trong lòng nước Mỹ.

Hai hình thức đấu tranh bất bạo động mà ông học tập từ Gandhi là tẩy chay bất hợp tác và tuần hành quần chúng phản kháng. Đáng kể nhất là những cuộc phản đối tập thể chống lại tệ phân biệt chủng tộc trong các phong trào Tẩy chay xe Bus năm 1955 khởi đầu bởi vụ Rosa Park đã đem lại kết quả thắng lợi, phong trào tọa kháng *sit-ins* của sinh viên Greensboro, cuộc biểu tình *Tuần hành về Washington vì Việc làm và Tự do* năm 1963.

Chính trong cuộc tuần hành này Luther King đã đọc lên bài diễn văn lịch sử “*Tôi có một giấc mơ*” trong đó có câu: “*Trong giấc mơ của tôi, tới một ngày đất nước này sẽ cùng đứng lên và sống một cuộc sống với niềm tin “Chúng ta coi sự thực này là điều hiển nhiên: con người sinh ra là bình đẳng”*”.

Dalai Lama (1935-): Vj Dalai Lama thứ 14 có tên Tạng là Tenzin Gyatso, là một lãnh đạo tinh thần và chính trị của nhân dân Tây Tạng, được chấp nhận từ 1950. Suốt đời, ông đấu tranh bằng phương pháp hòa bình bất bạo động cho quyền tự trị và việc bảo tồn văn hóa truyền thống của nhân dân Tây Tạng. Ông được trao giải Nobel hòa bình năm 1989.

Dalai Lama tự nhận mình đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Gandhi về đường lối đấu tranh bất bạo động. Năm 1956, đến thăm Raj Ghat ở Ấn Độ, ông phát biểu: “*Đứng tại đây, tôi cảm thấy mình được gắn gũi Người [Gandhi]. Tôi quyết định mạnh mẽ hơn bao giờ hết rằng mình sẽ không bao giờ hợp tác với những hành động bạo lực*”. Năm 1989, ông đã hiến tặng giải Nobel hòa bình cho Gandhi.

Trong lời tựa đề cho cuốn sách *My life is my message* của Gandhi, Dalai Lama viết: “*Tôi rất biết ơn được có dịp này để dâng tặng tới Gandhi vì tôi đã tự coi mình là môn đệ của Người. Thực vậy, Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á. Số 8 - 2019, tr.6-17*

Người đã từng là một nguồn cảm hứng cho tôi khi tôi còn là một cậu bé sinh trưởng ở Tây Tạng. Gandhi là một con người vĩ đại với sự hiểu biết về bản tính con người, đã dùng mọi nỗ lực để khuyến khích sự phát triển trọn vẹn mặt tích cực của tiềm năng con người và để giảm thiểu hoặc ngăn chặn mặt tiêu cực.

Gandhi lấy ý tưởng cổ xưa nhưng mạnh mẽ của khái niệm *ahimsa* hay bất bạo động và làm nó trở nên quen thuộc trên toàn thế giới, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh của Ấn Độ cho tự do. Tuy nhiên, bất bạo động còn có ý nghĩa nhiều hơn việc chỉ không sử dụng bạo lực. Có một điều gì còn mang tính tích cực hơn và nhiều ý nghĩa hơn thế, vì sự thể hiện chân thực của bất bạo lực chính là lòng nhân ái. Một số người hình như nghĩ rằng lòng nhân ái chỉ là một sự đáp ứng cảm xúc thụ động, hơn là một sự kích thích lý trí để hành động. Nhưng trải nghiệm đích thực lòng nhân ái chính là phát triển một tình cảm gần gũi gắn bó với những người khác, như Gandhi đã làm, kết hợp với một ý thức về trách nhiệm về hạnh phúc của họ. Thành tựu to lớn của Người là qua chính tấm gương của bản thân, đã tỏ rõ rằng bất bạo động có thể được thực hiện một cách hiệu quả không chỉ trong lĩnh vực chính trị, mà còn trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Đó là lý do tại sao cuốn sách tự truyện này lại có tên đề rất thích hợp như thế: *“Đời tôi là bức thông điệp của tôi”*.

Aung San Suu Kyi (1945-): Là con gái vị anh hùng giải phóng dân tộc Miến Điện, bản thân từng du học ở Anh và lấy chồng người Anh, nhưng người phụ nữ kiên cường của xứ sở Chùa Vàng vẫn tự hào nhận mình là tín đồ của đạo Phật Tiểu thừa Theravada và “theo bước chân đi của Gandhi” trên con đường đấu tranh bất bạo động. Suu Kyi là biểu tượng của người lãnh đạo tinh thần có uy tín lớn của nhân dân Myanmar đã kiên trì chống lại chính quyền tập đoàn quân phiệt trong gần 4 thập kỷ (1988-2016), trong đó gần hai chục năm ở tù, giam giữ tại nhà, quản chế. Cuối cùng, bà đã thắng lợi, được trả lại tự do, trúng cử vào nghị viện với đa số áp đảo và trở thành vị cố vấn quốc gia đặc biệt của nước Myanmar mới dân chủ. Suu Kyi còn có uy tín quốc tế lớn, bà được giải Nobel Hòa bình năm 1991.

Thực ra, có thể coi Aung San Suu Kyi là môn đệ cuối cùng của vị Thánh này. Bà đã trung thành với lý tưởng của Gandhi, bổ sung thêm những đóng góp của những người sau Gandhi và trước bà, đồng thời có in dấu ấn của bản sắc riêng cá nhân mình. Đề biện hộ cho quan điểm đấu tranh bất bạo động, tư tưởng mở rộng máu chốt của Aung San Suu Kyi tập trung vào tình yêu metta, từ đó sinh ra sức mạnh nội tâm, bản lĩnh vô úy, lòng khoan dung và nghệ thuật thỏa hiệp hòa giải. Những ý tưởng này đã được Aung San Suu Kyi trình bày phát triển trong bài diễn văn nổi tiếng *“Vượt qua nỗi sợ” (Freedom from fear)* khi bà nhận giải thưởng Sakharov về tự do tư tưởng.

Suu Kyi cho rằng, nhờ có Metta, bà luôn luôn giữ cho mình được sự sáng suốt, không bao giờ ngã lòng, vượt qua được mọi thử thách và nỗi sợ. Metta là tình yêu ruột thịt gắn bó bà với nhân dân Myanmar khiến bà sẵn sàng hy sinh tất cả. Suu Kyi thổ lộ: *“Tôi sống bằng tình yêu và sự thật, metta là chỗ dựa bất khả xâm phạm cho tâm hồn tôi”*. Nhờ metta mà con người có được sức mạnh nội tâm mà không một sức mạnh hay ý đồ nham hiểm nào có thể hủy hoại. Chỉ có metta mới dẫn tới hòa giải, triệt đề và vĩnh viễn xóa bỏ được bạo lực và phát huy những giá trị của con người. Ngược lại, nếu dùng bạo lực, lấy oán báo oán thì sẽ không bao giờ chặt đứt được cái vòng luẩn quẩn, và sẽ chỉ đẻ ra bạo lực mới.

Aung San cố vũ cho lòng khoan dung tha thứ, đó chính là sản phẩm của tình yêu. Mà như Gandhi nói, lòng khoan thứ không phải là vũ khí của kẻ yếu, nó chính là vũ khí của kẻ mạnh. Aung San Suu Kyi phát triển, bên cạnh lòng khoan thứ, sức mạnh nội tâm còn có bản lĩnh vô úy không khiếp sợ. Theo bà, đạo Phật tiểu thừa đã phát triển khái niệm Tam độc (Tham-Sân-Si) của Đại thừa thành Tứ độc (Tham-Sân-Si-Úy), trong đó nỗi sợ (*Bhaya-gati*) là điều tha hóa nguy hiểm nhất cho nhân cách con người. Suu Kyi phân tích sâu sắc trong “*Freedom from fear*”: “*Không phải quyền lực, mà là nỗi sợ làm tha hóa con người. Người sử dụng quyền lực thì sợ mất quyền lực, người chịu khuất phục thì sợ sự hành hạ của quyền lực... Nỗi sợ không chỉ tạo ra sự hèn nhát, mà còn bóp nghẹt và hủy hoại dần dần khả năng nhận thức đúng-sai... Trong khi đó, ý thức vượt qua nỗi sợ có khả năng làm nên sức mạnh nội tâm mà không một bạo lực nào có thể khuất phục, kể cả cái chết*” (sites.asiasociety.org). Chính vì có bản lĩnh vô úy và sức mạnh nội tâm đó, Aung San Suu Kyi đã có được lòng độ lượng, tha thứ với chính kẻ thù của mình, và có cái tâm và nghệ thuật thỏa hiệp nhân nhượng trong đối thoại hòa giải để từng bước đi tới thành công. Đó chính là bí quyết để nhu thắng được cương, phi bạo lực thắng được bạo lực.

Cuối cùng, có lẽ cần phải kể thêm đến một nhân vật đặc biệt người Mỹ: Joseph Nye (1937-). Ông là giáo sư Đại học Harvard, nhà khoa học chính trị, đồng thời là một chính khách cổ vấn an ninh quốc phòng và ngoại giao cho các chính quyền Mỹ, tác giả cuốn sách nổi tiếng *Soft Power* (Quyền lực/Sức mạnh mềm, 2004). Joseph Nye không phải là đồ đệ hoặc người tán thưởng Gandhi, ông cũng không quan tâm đến đạo đức và tôn giáo. Như phụ đề của cuốn sách, sức mạnh mềm là một phương tiện để đi đến thắng lợi trong nền chính trị thế giới. Ưu điểm của việc sử dụng sức mạnh mềm hiện đại so với sức mạnh cứng trước đây là tính hiệu quả và tiết kiệm của nó qua việc thay thế bạo lực cưỡng bức bằng phi bạo lực phi cưỡng bức, thay thế ép buộc bằng thuyết phục, quân sự-kinh tế bằng chính trị-ngoại-giao-văn hóa, nghĩa là chinh phục ý chí và tâm hồn đối phương, thay vì chinh phục thể xác bằng vũ lực. Tuyên truyền tốt nhất là không tuyên truyền. Người Việt đã đúc kết từ lâu trong câu tục ngữ: “Lạt mềm buộc chặt”. Nhiều nước trên thế giới ngày nay, trong đó có những nước trước đây quen dùng sức mạnh cứng, nay đang tìm cách chuyển qua dùng sức mạnh mềm.

## Kết luận

Trên đời có những chuyện không hẹn lại gặp. Joseph Nye ngẫu nhiên đã gặp gỡ tư tưởng “nhu thắng cương” của Lão Tử và học thuyết bất bạo động của Gandhi và những người kế tục Gandhi. Chúng ta nên nhắc lại câu nói của Gandhi về quyền lực: “*Quyền lực có hai loại. Một loại đạt được bởi sự sợ hãi bị trừng phạt và một loại khác do những hành động của tình yêu. Quyền lực dựa trên cơ sở tình yêu nghìn lần hiệu quả và lâu bền hơn thứ quyền lực xuất phát bởi lòng sợ hãi bị trừng phạt*” (Mk.gandhi.org).

Qua những thăng trầm của lịch sử và biến hóa muôn hình vạn trạng, bức thông điệp về bất bạo động của Mahatma Gandhi vẫn đang trở thành một xu thế không thể đảo ngược trong thế giới đương đại của chúng ta, một niềm hy vọng cứu rỗi cho nhân loại.

## Tài liệu tham khảo

1. Aung San Suu Kyi (1991), *Freedom from Fear*, <http://sites.asiasociety.org/asia21summit/wp-content/uploads/2011/02/1.-Aung-San-Suu-Kyi-Freedom-from-Fear.pdf>, ngày truy cập 15/2/2019.
2. Benson Mary (1986), *Nelson Mandela*, Penguin Books.
3. Brecher Michael (1959), *Nehru: A political Biography*, Oxford University Press.
4. Dalai Lama (1989), *Sức mạnh của lòng Từ*, thuvienhoasen.org.
5. Duncan Ronald (2005), *Gandhi: Selected Writings*, Dover, New York.
6. Gandhi M. K. (1969), *Selected Speeches, Parables*.
7. Gandhi M. K. (1982), *An Autobiography or The story of my experiments with Truth*, Penguin Books.
8. Gupta Kalia Sen (2004), *The Philosophy of Rabindranath Tagore*, Ashgate, Jadavpur University, India.
9. King Luther (1963), *I have a dream*, <https://www.archives.gov/files/press/exhibits/dream-speech.pdf>, ngày truy cập 15/2/2019.
10. Lão Tử (1994), *Đạo đức kinh* (bản dịch Nguyễn Hiến Lê), Văn Hóa, Hà Nội.
11. [Mk.gandhi.org](http://Mk.gandhi.org).
12. Nguyễn Thừa Hỷ (1986), *Ấn Độ qua các thời đại*, Giáo Dục, Hà Nội.
13. [Sites.asiasociety.org](http://Sites.asiasociety.org).
14. Nye Joseph (2004), *Soft Power: The Means to Success in World Politics*, Public Affairs, New York.
15. Thoreau H, D. (1849), *On the Duty of Civil Disobedience*, Pennsylvania State University, 1998.
16. Tolstoy Leo (1894), *The Kingdom of God is Within You*, Cassell, New York.